

Bản án số:171/2020/DS-PT

Ngày 11 – 8 – 2020

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 6 và 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc: “tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1952;

Đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1957 (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2020) (có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1963 (có mặt);

Trú tại:ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Ông T Huyền Trân, sinh năm 1952 (có mặt);

Trú tại: Khóm 4, phường 5, thành phố C..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn Nghị - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện U Minh (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2019) (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

2. Bà Hồ Thị C, sinh năm 1957 (có mặt);

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C.

3. Bà H Mỹ Hạnh, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Trú tại: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

4. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1962 (có mặt);

Trú tại: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C.

5. Bà H Thị L, sinh năm 1952 (có mặt);

Trú tại: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Trần Thanh D trình bày: Mẹ ông là cụ Trần Thị Đinh có 01 phần đất có diện tích là 32.400 m², tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .. Phần đất này mẹ của ông chưa chia cho ai. Khi còn sống, mẹ ông sống với ông Trần Văn N và vợ ông N là Lê Thị Q trên phần đất này. Năm 2006, mẹ ông mất thì ông mới phát hiện phần đất của mẹ ông nhưng ông N đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, anh em trong gia đình không đồng ý và có gặp ông N để yêu cầu phân chia phần đất của mẹ ông để lại, chia đều cho anh em trong gia đình thì ông N không đồng ý. Ông xác định mẹ ông chết không để lại di chúc và di sản do mẹ ông chết để lại là phần đất có diện tích là 32.400 m². Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N chia thừa kế theo pháp luật phần đất 32.400 m² cho 04 người anh em trong gia đình là Huỳnh Thị L, Trần Thị H (Huỳnh Mỹ Hạnh), Trần Văn N và ông là Trần Thanh D.

Bị đơn, ông Trần Văn N trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D. Ông N xác định phần đất này là của ông ngoại ông để lại cho mẹ ông và mẹ ông để cho ông đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 1994 cho đến nay nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông D. Hơn nữa, năm 2005, mẹ ông có làm di chúc chia đất cho ông D và ông, nhưng vào năm 2006 mẹ ông đã có đơn yêu cầu hủy bỏ hồ sơ về việc chia đất cho ông D.

Bà Hồ Thị C thống nhất với yêu cầu của ông Trần Thanh D bà không có ý kiến gì thêm.

Bà Lê Thị Q thống nhất với trình bày của ông Trần Văn N bà không có ý kiến gì thêm.

Bà H Thị L yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và bà giao lại phần mà bà được hưởng cho ông Trần Thanh D quản lý, sử dụng.

Bà Trần Thị H vắng mặt và không có ý kiến gì trong vụ án.

Tại cấp sơ thẩm, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Cái Nước đã rút yêu cầu độc lập nên án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Thanh D đối với ông Trần Văn N về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất là di sản do cụ Trần Thị Đính chết để lại có diện tích theo đo đạc thực tế là 21.185, 75 m², đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .. Cụ thể như sau:

Ông Trần Thanh D được phân chia 01 phần đất có diện tích là 5.296,375 m² và quản lý sử dụng 01 phần đất có diện tích là 5.296,375 m² do bà H Thị L giao lại có tổng diện tích là 10.592,875 m², tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .. Phần đất có vị trí, tứ cận như sau:

+ Phía Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Hình từ cạnh M₁₀ đo vào hậu đất dài 334,685 mét (điểm A₀; cạnh M₁₀A₀);

+ Phía Bắc giáp phần đất ông Trần Văn N được chia và quản lý đo từ mốc M₁₀ qua mốc M₁₁ cạnh dài 31,65 mét (điểm A₁), từ điểm A₁ đo vào hậu đất giáp với phần đất của ông N được hưởng theo di chúc cạnh dài 334, 685 mét (điểm A₂; Cạnh A₁A₂).

+ Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn N từ điểm A₀ đo qua phần đất ông Trần Văn N được chia và quản lý là điểm A₂ dài 31,65 mét (Cạnh A₀A₂).

+ Phía Tây giáp kinh Rạch Dục cạnh M₁₀ A₁ dài 31, 65 mét.

Ông Trần Văn N được phân chia 01 phần đất có diện tích là 5.296,375 m² và quản lý sử dụng 01 phần đất của bà Trần Thị H được chia có diện tích là 5.296,375 m². Ông N được quản lý sử dụng 02 phần đất có tổng diện tích là 10.592,875 m² tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .. Phần đất có vị trí, tứ cận như sau:

+ Phía Nam giáp phần đất ông Trần Thanh D được chia là cạnh A₁A₂ dài 334,685 mét;

+ Phía Bắc giáp phần đất ông Trần Hữu Hải đo từ mốc M₁₁ vào hậu đất dài 334,685 mét (điểm A₃; Cạnh A₃M₁₁);

+ Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn N từ điểm A₂ đo qua phần đất ông Trần Văn N được chia và quản lý giáp với đất ông Trần Hữu Hải dài 31,65 mét (Cạnh A₂A₃);

+ Phía Tây giáp kinh Rạch Dục cạnh M₁₁ A₁ dài 31, 65 mét;

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước về việc yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q phải trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/4/2020, ông Trần Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn N tranh luận: Năm 1994, ông Trần Văn N được cụ Trần Thị Đính cho đất và ông N đã đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994. Việc cấp đất này các anh chị em đều biết nhưng không phản đối. Ông N sống chung với cụ Đính từ nhỏ và nuôi cụ Đính từ khi già đến chết, không có anh em nào tiếp ông N nuôi cụ Đính. Cụ Đính chết năm 2006, nhưng đến năm 2017 ông D mới tranh chấp yêu cầu chia đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông D.

Ông N không tranh luận bổ sung.

Bà Hồ Thị C tranh luận: Phần đất của cụ Trần Thị Đính chưa phân chia cho ai. Cụ Đính cũng không có để lại di chúc phân chia đất cho các con nên đồng ý với quyết định của án sơ thẩm.

Bà Q, bà L không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N. Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Trần Thanh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông N cho rằng phần đất tranh chấp là của mẹ ông để cho ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994 đến nay. Ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông D. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ông D cho rằng phần đất tranh chấp là của cụ Trần Thị Đính, khi cụ Đính chết chưa chia cho ai, không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Lời trình bày của ông D là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, ông N sống chung với cụ Đính từ lúc nhỏ đến khi cụ Đính chết năm 2006. Năm 1993, ông N đã được cụ Đính cho đăng ký, kê khai toàn bộ phần đất của cụ Đính và ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N quản lý, sử dụng đất và thờ cúng cụ Đính, không ai tranh chấp đến năm 2017 thì ông D mới yêu cầu chia thừa kế.

[3] Trong khi, bà H Mỹ Hạnh, bà H Thị L có chồng theo chồng, còn ông D về bên vợ sống từ năm 1984, ai cũng có gia đình riêng. Bà Hạnh là chị của ông D và ông N xác định: Bà biết mẹ bà cho đất ông N vào năm 1994 vì nghe mẹ bà nói lại. Anh em trong gia đình biết việc cho đất, nhưng không ai phản đối. Bà L được mẹ bà mua cho phần đất giáp ranh (Biên bản xác minh ngày 07 tháng 8 năm 2020). Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp, ông N được cụ Đính cho từ năm 1994.

[4] Cụ Đính đã cho đất ông N từ năm 1993, việc cho đất này có giá trị pháp lý vào năm 1994 khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, Cụ Đính làm tờ di chúc chia phần đất đã cho Nhân và do ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có sự đồng ý của ông N. Đến năm 2006, cụ Đính làm tờ hủy bỏ tờ di chúc đã lập năm 2005. Do cụ Đính đã cho toàn bộ quyền sử dụng phần đất ông N năm 1994 nên cụ Đính không còn đất để lập di chúc. Hơn nữa, năm 2006, cụ Đính đã hủy bỏ việc cho đất ông D. Án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp vẫn thuộc quyền sử dụng đất của cụ Đính để chia thừa kế là không có cơ sở nên sửa án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về phần chia thừa kế quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cụ Đính.

[5] Trên đất tranh chấp, ông N đã chia cho anh Nguyễn Tường Duy, chị Nguyễn Hồng Nhi (con trai, con dâu của ông N) phần đất 10.496 m² và anh Duy có cất 01 căn nhà cây gỗ địa phương, nền lát gạch tàu nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Duy, bà Nhi vào tham gia tố tụng là thiếu sót nhưng do sửa án sơ thẩm, giữ nguyên phần đất cho ông N nên việc không đưa anh Duy, chị Nhi vào tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng quyền lợi của anh Duy, chị Nhi nên không cần hủy án sơ thẩm.

[6] Yêu cầu kháng cáo của ông N được chấp nhận. Ông D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc số tiền 14.517.000 đồng (đã nộp xong).

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N không phải chịu án phí. Ông D phải chịu án phí, nhưng ông D trên 60 tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông D.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông N được chấp nhận và Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm nên ông N không phải chịu án phí.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh D đối với ông Trần Văn N về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 32.400 m² theo đo đạc

thực tế 30.874,8 m², tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh C .. (Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Q phải trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Thanh D phải chịu số tiền 14.517.000 đồng (đã nộp xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn N không phải chịu án phí. Ông Trần Thanh D được miễn án phí. Ông D được nhận lại số tiền 4.687.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003972 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại 1.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004678 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn N không phải chịu. Ngày 15/4/2020, ông N có nộp tạm ứng theo biên lai số 0005237 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước ;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung

